BẢN TIN CHỨNG KHOÁN

NHÓM VỐN HÓA LỚN GÂY SỨC ÉP, DÒNG TIỀN TRỞ LẠI PHÂN HÓA

13/11/2026

VN-Index	**1734.75 (-0.70%)**
707 Tr. cổ phiếu	15204.8 Tỷ VND (9.28%)
HNX-Index	**256.62 (0.35%)**
51 Tr. cổ phiếu	696.8 Tỷ VND (13.23%)
UPCOM-Index	**121.25 (-0.26%)**
17 Tr. cổ phiếu	301.4 Tỷ VND (-52.92%)
VN30F1M	**1842.30 (-0.42%)**
239,553 HD	OI: 34,826 HD

% Hiệu suất từ đầu năm 2026 của các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** VN-Index đóng cửa phiên tại 1734.8 điểm, giảm 12.2 điểm (-0.70%). Thanh khoản tăng nhẹ với độ rộng thị trường nghiêng về bên bán. VN30 giảm trong khi HNX-Index tăng điểm.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Áp lực bán tiếp tục chiếm ưu thế (đặc biệt ở nhóm vốn hóa lớn), trong khi dòng tiền có xu hướng phân hóa rõ nét hơn khi chỉ số duy trì trạng thái đi ngang.
- Dòng tiền ghi nhận diễn biến tích cực tại nhóm Dầu khí (BSR, +0.8%), Xây dựng và Vật liệu (GEL, +1.7%), Hàng cá nhân & Gia dụng (PNJ, +2.8%); trong khi Bất động sản (VIC, -0.9%), Ngân hàng (VPB, -1.8%), Dịch vụ tài chính (VCK, -2.3%) chịu áp lực điều chỉnh. Về tác động, BSR, PLX, STB, REE đóng góp tích cực nhất cho chỉ số, trái lại VIC, VPB, TCB, GAS tạo sức ép giảm điểm.
- Khối ngoại bán ròng hơn 850 tỷ đồng, tập trung ở FPT, KDH, STB, trong khi mua ròng HDB, MSN, CTD.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** kết phiên trong sắc đỏ, phủ định đà phục hồi của phiên trước, chịu sức ép từ nhóm vốn hóa lớn. Điều này càng thể hiện rõ qua việc VN30 chưa thể vượt lên được ngưỡng MA20 ngày. Dù vậy, điểm sáng là dòng tiền vẫn luân chuyển tốt ở nhóm vốn hóa vừa và nhỏ, với áp lực cung chưa quá tiêu cực. Trong ngắn hạn, trạng thái rung lắc và củng cố nền giá quanh MA20 ngày có thể tiếp diễn. Nếu giữ vững được ngưỡng này, VN-Index vẫn có cơ hội hướng tới kiểm định vùng kháng cự 1760 - 1770 điểm. Ngược lại, nếu đánh mất mốc 1710 điểm, cấu trúc hồi phục hiện tại sẽ bị vi phạm.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số tiếp tục giằng co quanh khu vực 255 - 260 điểm. Đà phục hồi được xác nhận khi chỉ số vượt trên ngưỡng 262, khi đó, mục tiêu có thể hướng tới kiểm định lại vùng cản 270.
- **Chiến lược:** Theo dõi thêm phản ứng của VN-Index khi tiếp cận vùng cản, chỉ nên cân nhắc gia tăng tỷ trọng khi chỉ số bứt phá thành công. Đối với các cổ phiếu đã phục hồi tốt và đang tiến sát vùng kháng cự mạnh, NĐT có thể cân nhắc chốt lời từng phần. Trong khi đó, với NĐT có khẩu vị rủi ro cao, cơ hội giao dịch ngắn hạn vẫn có thể được tìm kiếm tại những nhóm ngành duy trì sức mạnh dòng tiền như Đầu tư công, Bất động sản và Chứng khoán.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Mua NAB (Xem tiếp tại trang 7)

Phái sinh (trang 09)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi (%) 1D	(%) 1W	(%) 1M	Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với 01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng	Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với 01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
Theo chỉ số												
VN-Index	1,734.8	**-0.7%**	-0.3%	0.8%	15,204.8	**9.3%**	-4.5%	16.6%	706.8	**-3.8%**	-5.8%	21.7%
HNX-Index	256.6	**0.3%**	0.0%	-3.0%	696.8	**13.2%**	-26.4%	1.3%	51.3	**38.2%**	-25.1%	17.4%
UPCOM-Index	121.3	**-0.3%**	-1.0%	-2.8%	301.4	**-52.9%**	-60.1%	-32.6%	17.4	**-45.7%**	-61.2%	-16.6%
VN30	1,839.4	**-0.9%**	-1.4%	-1.6%	8,751.0	**23.6%**	7.6%	9.3%	277.3	**7.4%**	3.6%	-2.2%
VNMID	1,863.8	**-0.5%**	0.3%	3.4%	5,488.9	**-8.3%**	-16.4%	35.0%	315.2	**-12.9%**	-22.0%	40.6%
VNSML	1,221.6	**-0.4%**	-0.7%	-0.2%	762.4	**34.0%**	-8.9%	-3.6%	52.4	**7.3%**	-16.0%	-17.2%
Theo ngành (VNINdex)												
Ngân hàng	601.8	**-0.7%**	-0.48%	-1.5%	5,964.1	**8.9%**	12.9%	14.6%	237.8	**-13.6%**	-6.4%	-7.2%
Bất động sản	1,002.5	**-0.7%**	1.26%	7.6%	2,335.9	**11.5%**	-10.4%	-7.1%	125.2	**19.2%**	-19.5%	-2.6%
Dịch vụ tài chính	255.1	**-1.4%**	-1.33%	4.1%	1,606.0	**13.7%**	-33.1%	-20.9%	90.5	**8.3%**	-36.6%	-25.6%
Công nghiệp	223.6	**-1.2%**	-2.32%	-4.1%	1,019.3	**11.4%**	12.1%	-3.6%	38.3	**-6.1%**	-1.5%	-10.9%
Tài nguyên cơ bản	468.5	**-1.1%**	-1.77%	2.1%	458.7	**8.4%**	-23.9%	-32.7%	27.1	**-2.1%**	-25.0%	-31.9%
Xây dựng - Vật Liệu	153.6	**0.4%**	-0.14%	1.5%	702.4	**-1.4%**	1.9%	23.7%	41.3	**-10.4%**	0.1%	18.5%
Thực phẩm	467.0	**-0.6%**	-2.33%	-5.6%	545.2	**-31.9%**	-32.3%	-44.1%	16.4	**-23.9%**	-24.0%	-39.0%
Bán Lẻ	1,418.2	**-0.7%**	-0.55%	-2.1%	502.9	**95.5%**	26.9%	-10.4%	8.2	**119.7%**	39.4%	4.1%
Công nghệ	297.9	**-2.3%**	-5.93%	-12.3%	913.4	**168.1%**	68.4%	65.0%	22.5	**204.8%**	54.7%	88.1%
Hóa chất	156.0	**-0.3%**	-2.03%	-7.8%	132.7	**-11.3%**	-34.3%	-48.0%	6.3	**-4.9%**	-28.1%	-40.8%
Tiện ích	720.7	**-0.5%**	0.20%	-2.5%	290.7	**-43.0%**	-23.6%	5.5%	14.2	**-55.3%**	-35.9%	2.8%
Dầu khí	101.4	**1.1%**	-3.06%	-13.9%	197.2	**-41.0%**	-42.76%	-58.9%	7.8	**-50.1%**	-47.5%	-59.1%
Dược phẩm	372.6	**0.0%**	-0.05%	-3.4%	54.8	**-22.3%**	7.7%	11.3%	2.3	**-18.3%**	15.6%	6.4%
Bảo hiểm	99.9	**-1.6%**	-0.37%	-13.8%	18.6	**-57.0%**	-54.2%	-72.3%	0.3	**-52.9%**	-52.9%	-72.2%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,734.8	-0.70%	-2.8%	11.6x	1.9x
SET-Index	Thái Lan	1,499	-0.20%	19.0%	14.5x	1.4x
JCI-Index	Indonesia	5,251	2.66%	-39.3%	9.3x	0.0x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	11,788	-0.76%	-4.2%	14.3x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	5,661	-0.57%	-6.5%	8.5x	1.2x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,656	-0.67%	-7.9%	16.9x	1.4x
Hang Seng	Hồng Kông	24,009	-1.26%	-6.3%	12.3x	1.3x
Nikkei 225	Nhật Bản	60,819	-0.70%	20.8%	21.7x	2.8x
S&P 500	Mỹ	7,619	1.31%	11.3%	26.1x	5.6x
Dow Jones	Mỹ	52,486	0.49%	9.2%	22.9x	6.1x
FTSE 100	Anh	10,869	0.31%	9.4%	15.1x	2.4x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,415	0.33%	10.8%	17.3x	2.5x
DXY		102.8	0.58%	4.6%		
USDVND		25,684	0.133%	-2.3%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

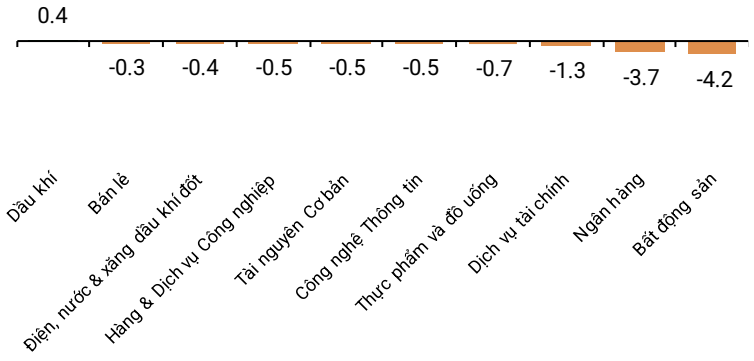
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa	% Thay đổi giá			
	1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	-0.93%	-13.8%	51.0%	46.5%
Dầu WTI	-1.01%	-8.6%	49.2%	46.5%
Khí gas	2.2%	3.8%	-10.9%	-27.5%
Than cốc (*)	0.0%	0.0%	34.7%	26.0%
Thép HRC (*)	-0.1%	-3.0%	-2.4%	-2.9%
PVC (*)	0.9%	-0.8%	7.9%	7.4%
Phân Urea	0.0%	0.5%	16.8%	10.5%
Cao su thiên nhiên	-0.4%	-7.0%	37.2%	43.8%
Bông Cotton	0.6%	-2.0%	22.9%	24.8%
Đường	-2.4%	-13.5%	20.2%	24.2%
World Container Index	-1.9%	-1.1%	94.6%	119.8%
Baltic Dirty tanker Index	-4.6%	-41.0%	257.5%	235.1%
Vàng	-0.83%	-5.2%	-8.4%	-5.7%
Bạc	-0.89%	-15.0%	-28.5%	-3.8%

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



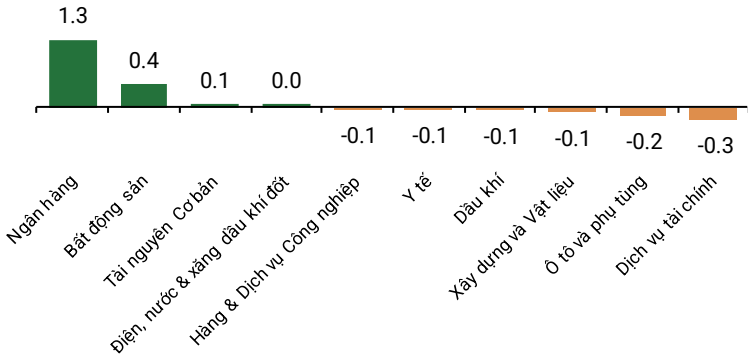
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

+0.08 (GEL)	-0.42 (MBB)
+0.09 (VPI)	-0.51 (VHM)
+0.09 (NAB)	-0.52 (VCB)
+0.09 (VRE)	-0.52 (HPG)
+0.12 (LPB)	-0.53 (FPT)
+0.14 (PGV)	-0.56 (BID)
+0.15 (REE)	-0.60 (GAS)
+0.16 (STB)	-0.66 (TCB)
+0.20 (PLX)	-0.83 (VPB)
+0.21 (BSR)	-3.53 (VIC)

TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX

+11 (PLX)	-25 (VIX)
+15 (DXG)	-25 (VCK)
+16 (TCB)	-28 (VCI)
+16 (CII)	-31 (SSI)
+17 (PNJ)	-32 (GMD)
+23 (ACB)	-36 (VIC)
+24 (VHM)	-56 (SHB)
+28 (CTD)	-99 (STB)
+41 (MSN)	-107 (KDH)
+60 (HDB)	-450 (FPT)

TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

+0.02 (OCH)	-0.04 (SJ1)
+0.02 (NET)	-0.05 (TMB)
+0.02 (POT)	-0.05 (CAR)
+0.03 (CDN)	-0.05 (CLM)
+0.04 (DTK)	-0.06 (PMC)
+0.04 (PVI)	-0.07 (PVS)
+0.20 (VIF)	-0.10 (SHS)
+0.21 (KSF)	-0.11 (VIT)
+0.33 (THD)	-0.11 (MBS)
+1.34 (NVB)	-0.18 (HUT)

TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX

+0.0 (DL1)	-0.1 (EVS)
+0.0 (VFS)	-0.1 (SAF)
+0.0 (VCS)	-0.4 (VGS)
+0.0 (IDJ)	-0.8 (IDC)
+0.0 (DTD)	-2.0 (TNG)
+0.0 (L14)	-2.1 (HUT)
+0.1 (NTP)	-3.2 (BVS)
+0.7 (MST)	-3.8 (CEO)
+1.3 (SHS)	-6.2 (MBS)
+1.5 (NVB)	-7.7 (PVS)

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



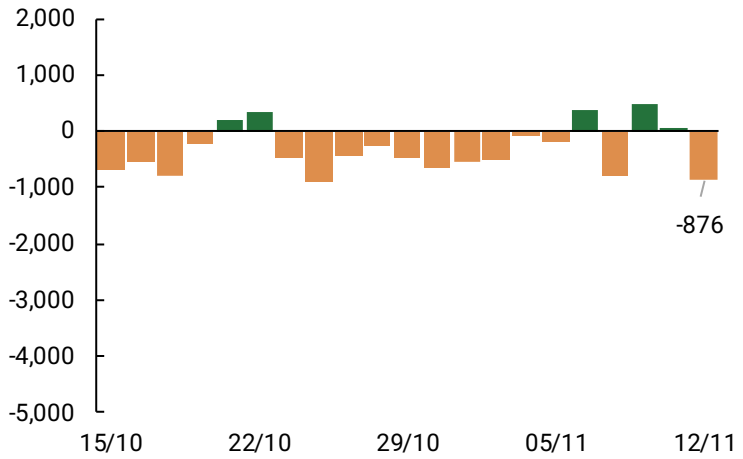
	FPT	VIC	VIX	HDB	HPG
%DoD	-2.7%	-0.9%	-1.9%	0.0%	-1.4%
Giá trị	869	438	420	354	311

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	LPB	GEX	PET	TCB	KBC
%DoD	0.6%	-1.8%	-0.2%	-1.4%	-1.1%
Giá trị	2,993	222	185	160	136

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



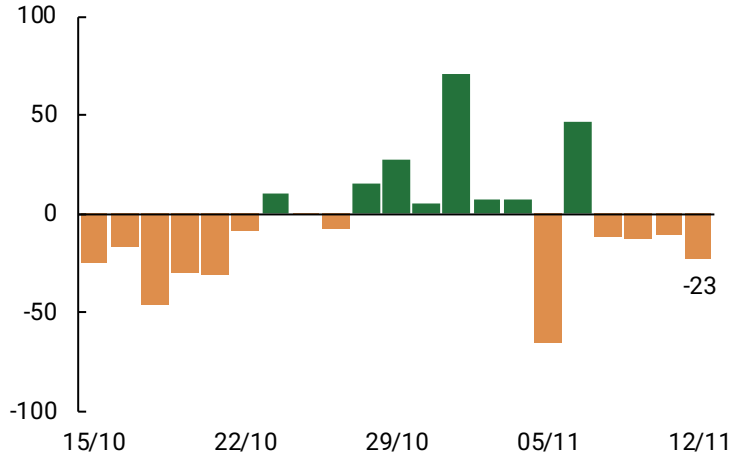
	SHS	CEO	VC3	MBS	PVS
%DoD	-1.5%	0.0%	-0.4%	-1.2%	-0.7%
Giá trị	197	109	39	38	34

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	SHS	MST	TIG	ADC	ADC
%DoD	-1.5%	0.0%	-9.1%	0.0%	0.0%
Giá trị	67	9	0	0	0

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến đỏ thân nhỏ, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1660 l 1710.
- ✓ Kháng cự: 1760 l 1820.
- ✓ MACD, RSI cải thiện.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật trong pha điều chỉnh.

Kịch bản: Sau khi vượt lên trên MA20 ngày, VN-Index đang có xu hướng củng cố lại nền giá nhằm tích lũy thêm động lượng cho nhịp hồi phục. Nếu tiếp tục duy trì vận động trên ngưỡng này, chỉ số có thể hướng tới kiểm định vùng kháng cự 1760 - 1770 điểm. Ở chiều ngược lại, ngưỡng 1710 điểm hiện là vùng hỗ trợ gần cần theo dõi.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến đỏ thân nhỏ, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1780 l 1830
- ✓ Kháng cự: 1870 l 1920.
- ✓ MACD, RSI cải thiện.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật trong pha điều chỉnh.
- ✓ **Kịch bản:** Trạng thái giằng co tiếp tục chi phối, khi thanh khoản ở mức thấp và VN30 vẫn vận động dưới MA20 ngày. Điều này hàm ý dòng tiền chưa phục hồi tích cực ở nhóm vốn hóa lớn. Đà phục hồi sẽ được củng cố khi chỉ số vượt được ngưỡng 1870, khi đó mục tiêu hướng tới vùng 1910. Hỗ trợ gần hiện quanh mức 1830 điểm.

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio	
Ticker	**NAB**		**Current price**		**13.00**	**P/E (x)**	4.9
			Action price	13/11	**12.8 - 13**	P/B (x)	0.9
Exchange	HOSE	**BUY**				EPS	2632.8
			Target price		**14.2**	10.1%	ROE	19.7%
Sector	Banks		Cut loss		**12.1**	-6.2%	Stock Rating	BB
							Scale Market Cap	Medium



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá kiểm định tốt MA10 ngày.
- Thanh khoản tăng và vượt trung bình 20 phiên, dòng tiền đồng thuận.
- Chỉ báo MACD duy trì trên đường signal, cùng RSI giữ đà tăng trên ngưỡng trung bình, hàm ý động lượng tăng phục hồi.
- Cấu trúc MA10, MA20, MA50 đi lên giúp củng cố vị thế trung hạn

➔ Xu hướng điều chỉnh yếu dần và đang trở lại pha tăng.

➔ Khuyến nghị Mua, có thể tận dụng rung lắc trong phiên.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá hành động	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	**NAB**	Mua	12/11/2026	13	12.8 - 13	-	14.2	10.1%	12.1	-6.2%	Cập nhật trên Elite Picks

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	**NAB**	Mua	12/11/2026	-	13	12.8 - 13	**0.8%**	14.2	10.1%	12.1	-6.2%	



Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** kết phiên tại 1842.3, giảm 7.7 điểm (-0.4%). Thanh khoản tăng so với phiên trước và trên mức bình quân 20 phiên. Giá biến động mạnh theo cả hai chiều và đóng cửa giữa biên độ.
- **Ở đồ thị 1 giờ,** chỉ báo MACD cắt xuống trở lại đường tín hiệu, trong khi RSI cũng hạ nhiệt về dưới ngưỡng trung bình, hàm ý áp lực điều chỉnh trở lại chiếm ưu thế. Nếu giá tiếp tục phá vỡ dưới ngưỡng 1838, đà giảm có khả năng mở rộng. Chiều ngược lại, tín hiệu bứt phá thành công trên ngưỡng 1854 sẽ giúp khôi phục quán tính phục hồi.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1771.4, giảm 1.5 điểm (-0.08%). Độ lệch basis 4.3 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 16 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1760 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1780 điểm.

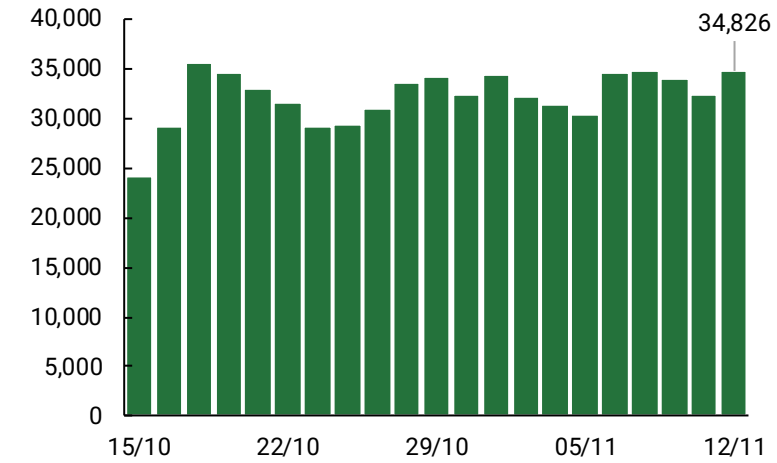
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Long	> 1854	1868	1847	14 : 7
Short	< 1838	1824	1845	14 : 7

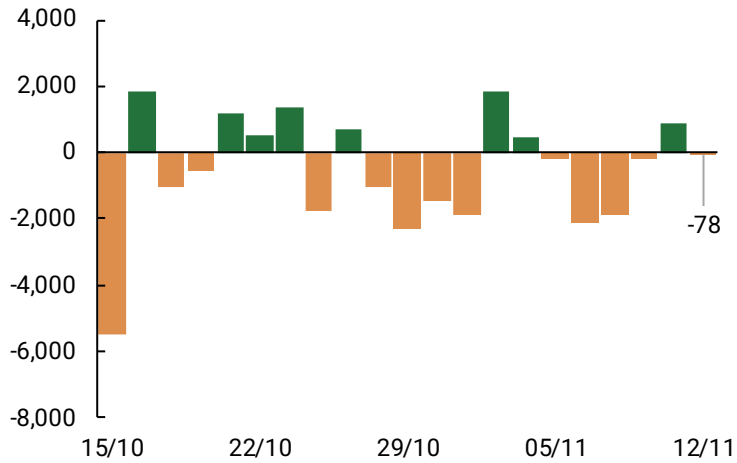
Thống kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
41I1H6000	1,844.5	-6.7	21	70	1,858.2	-13.7	17/06/2027	217
41I1H3000	1,843.5	-2.1	48	321	1,850.3	-6.8	18/03/2027	126
41I1GC000	1,839.2	-8.0	1,616	3,583	1,842.4	-3.2	17/12/2026	35
41I1GB000	1,842.3	-7.7	239,553	34,826	1,840.0	2.3	19/11/2026	7
41I2GB000	1,771.4	-1.5	16	33	1,767.7	3.7	19/11/2026	7

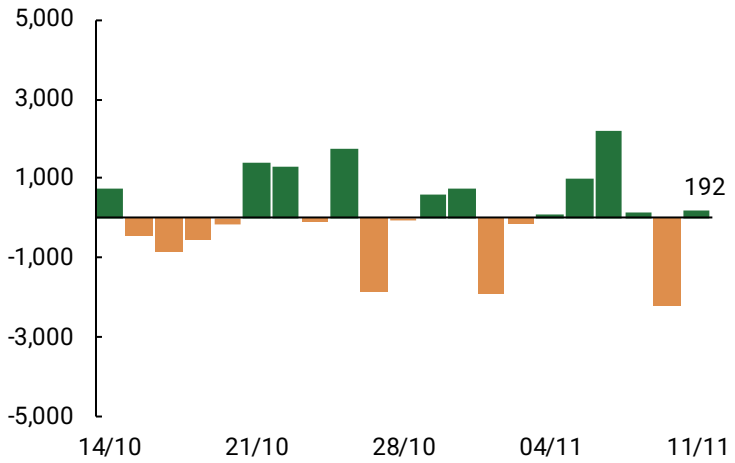
Khối lượng mở (Open interest)



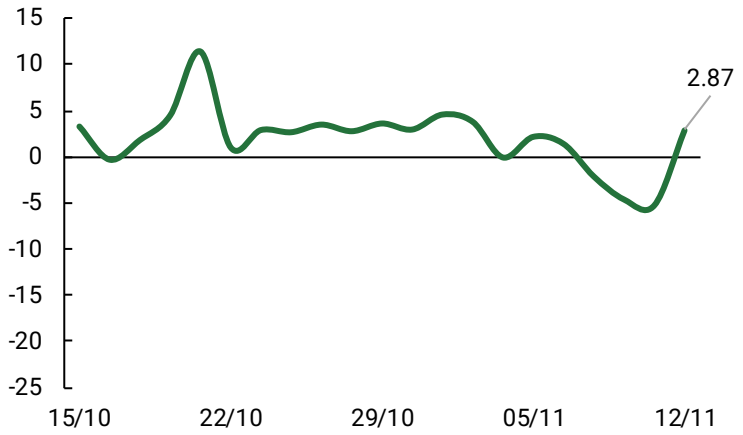
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại
(Hợp đồng)



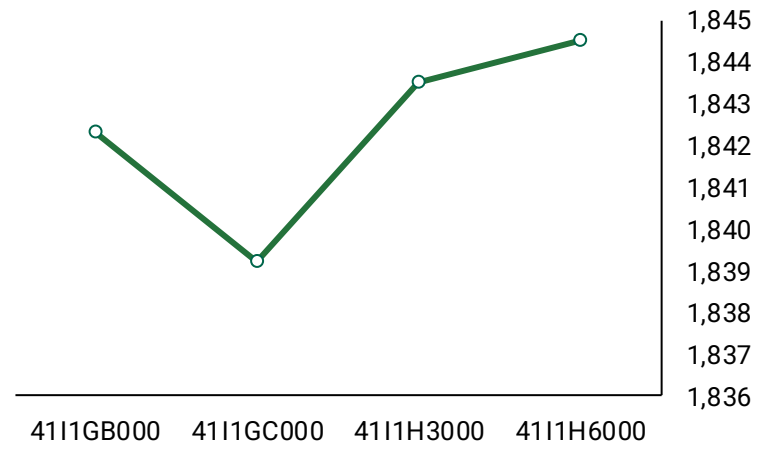
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh
(Hợp đồng)



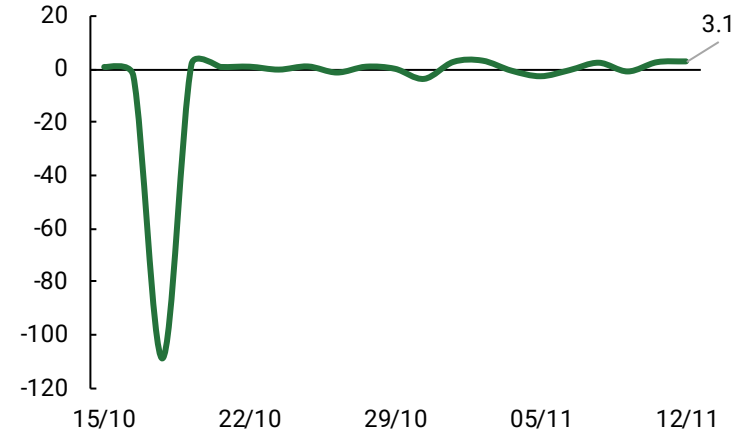
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M – VN30F2M



Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BSR	25,500	31,150	22.2%	Mua
CTD	73,500	79,600	8.3%	Nắm giữ
CTG	31,550	39,700	25.8%	Mua
DBD	43,650	56,700	29.9%	Mua
DDV	15,381	29,000	88.5%	Mua
DGW	39,450	48,300	22.4%	Mua
DHC	37,200	42,900	15.3%	Tăng tỷ trọng
DPG	34,600	42,900	24.0%	Mua
FRT	147,800	177,400	20.0%	Mua
GMD	53,700	62,600	16.6%	Tăng tỷ trọng
HAH	48,050	55,800	16.1%	Tăng tỷ trọng
HPG	21,050	28,700	36.3%	Mua
MBB	19,200	25,200	31.3%	Mua
MCH	123,900	148,500	19.9%	Tăng tỷ trọng

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MWG	73,000	108,800	49.0%	Mua
NT2	23,500	24,800	5.5%	Nắm giữ
POW	12,600	15,500	23.0%	Mua
PVT	20,900	26,000	24.4%	Mua
SSI	20,250	31,200	54.1%	Mua
TCB	21,550	26,200	21.6%	Mua
TCH	13,500	14,200	5.2%	Nắm giữ
TLG	53,600	59,700	11.4%	Tăng tỷ trọng
VCB	53,900	72,100	33.8%	Mua
VPB	21,900	29,500	34.7%	Mua

** Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo*

02/11	Việt Nam, Mỹ, Trung Quốc, EU – PMI
03/11	Việt Nam – Số liệu KT-XH tháng 10
04/11	Mỹ – Kết quả bầu cử giữa kỳ
06/11	Mỹ – Bảng lương phi nông nghiệp
09/11	Trung Quốc – Lạm phát, PPI
10/11	Mỹ – Chỉ số CPI
12/11	MSCI – Công bố kết quả review chỉ số
13/11	Mỹ – Chỉ số PPI
16/11	Trung Quốc – SXCN, Doanh số bán lẻ
19/11	Mỹ – Biên bản FOMC, KQKD Nvidia Việt Nam – Đáo hạn HĐTL VN30, VN100
20/11	Trung Quốc – Lãi suất LPR
25/11	Mỹ – GDP Q3 lần 2, Chỉ số PCE
30/11	Trung Quốc – PMI tháng 11 MSCI – ETF cơ cấu danh mục

THÔNG TIN VĨ MÔ

Nâng hạn mức vay thương mại nước ngoài trung, dài hạn của doanh nghiệp lên tối đa 10 tỷ USD năm 2026: Theo Quyết định 2184/QĐ-TTg ngày 11/11/2026, hạn mức vay thương mại nước ngoài trung, dài hạn theo phương thức tự vay, tự trả của doanh nghiệp và tổ chức tín dụng được nâng lên tối đa 10 tỷ USD/năm, từ mức khoảng 6,124 triệu USD theo kế hoạch tháng 2. Tốc độ tăng dư nợ nước ngoài ngắn hạn được nới lên tối đa 27% so với cuối năm 2025, từ khoảng 19–20%. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

Bộ trưởng Tài chính: Thời điểm hiện tại chưa phù hợp để phát hành trái phiếu Chính phủ ra quốc tế: Trả lời bên lề phiên chất vấn sáng 12/11, Bộ trưởng Ngô Văn Tuấn cho biết chi phí phát hành ra quốc tế vẫn cao, nhưng Việt Nam tiếp tục làm việc với nhà đầu tư quốc tế để huy động khi thuận lợi. Nợ công ở mức hơn 33% GDP, nợ Chính phủ khoảng 32% GDP, thấp hơn so với trần 60% và 50%.

OPEC: Sản lượng dầu của OPEC+ tháng 10 phục hồi về gần mức trước xung đột Trung Đông: Theo báo cáo OPEC công bố ngày 11/11, OPEC+ khai thác 41.23 triệu thùng/ngày trong tháng 10, tăng khoảng 2.04 triệu thùng/ngày so với tháng 9; riêng Ả Rập Xê Út đạt 10.563 triệu thùng/ngày, mức cao nhất kể từ khi xung đột bùng phát cuối tháng 2.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

VIC - VinFast bàn giao 200,593 ô tô điện tại Việt Nam sau 10 tháng, doanh số tháng 10 tăng 12% YoY: Riêng tháng 10/2026, VinFast bàn giao 22,896 xe, bình quân hơn 20,000 xe/tháng từ đầu năm; đây là lần đầu một thương hiệu ô tô tại Việt Nam đạt mốc 200,000 xe trong 10 tháng. Theo số liệu VAMA, Hyundai Thành Công và VinFast, tổng doanh số ô tô tháng 10 giảm 10% YoY, trong đó xe động cơ đốt trong giảm 26%, còn VinFast tăng 12%. VinFast giữ vị trí số một thị phần ô tô nội địa từ tháng 9/2024.

PNJ - PNJ và NLG được thêm vào rổ MSCI Frontier Markets Index kỳ review quý 4/2026: Theo kết quả công bố rạng sáng 12/11, Việt Nam có 2 mã được bổ sung là PNJ và NLG, đồng thời 3 mã bị loại, trong đó có DIG và PC1, được chuyển sang rổ MSCI Frontier Markets Small Cap Index; rổ Small Cap cũng thêm 4 mã Việt Nam khác gồm HII, HPA, HVH, MZG. Các thay đổi có hiệu lực từ ngày 1/12/2026. Tại ngày 30/10, Việt Nam chiếm tỷ trọng cao nhất rổ với 31.25%, trong đó VIC đứng đầu với 10.65%.

BVH - Tập đoàn Bảo Việt chốt quyền trả cổ tức tiền mặt năm 2025 tỷ lệ 8.09%, dự chi hơn 600 tỷ đồng: Ngày đăng ký cuối cùng là 27/11/2026, thanh toán dự kiến ngày 28/12. Khoảng 684.7 tỷ đồng lợi nhuận năm 2025 còn lại sẽ bổ sung vào nguồn chia cổ tức các năm sau. Lũy kế 9 tháng 2026, tổng doanh thu hợp nhất đạt 47,928 tỷ đồng (+9.1% YoY), LNST hợp nhất 2,698 tỷ đồng (+23.9%).

GDA - Tôn Đông Á niêm yết hơn 149 triệu cổ phiếu trên HOSE, dự kiến đầu tư 3,000–3,500 tỷ đồng giai đoạn 2026–2030: Cổ phiếu GDA chào sàn ngày 12/11, giá tham chiếu 12,000 đồng/cổ phiếu. Nhà máy số 4 tại KCN Phú Mỹ 3, công suất thiết kế 1.2 triệu tấn/năm, dự kiến vận hành giai đoạn đầu từ năm 2027; nhà máy tại Indonesia dự kiến có sản phẩm đầu tiên vào quý 2/2027. 9 tháng 2026, doanh thu đạt 11,155.65 tỷ đồng (-6.4% YoY), LNST 216.28 tỷ đồng (-8.1%), hoàn thành 86.5% kế hoạch năm.

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)
Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM
Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472
Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58 Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488
E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1
Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM
Điện thoại: (84-28) 3 535 6060
Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3
Tầng 4 , D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 3 820 8068
Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình
Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM
Điện thoại: (84-28) 3 813 2401
Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Thanh Xuân
Tầng 5 - Văn phòng C, Tòa nhà Taisei Square Hanoi - số 289 đường Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, Tp.Hà Nội.
Điện thoại: (84-24) 6 250 9999
Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hải Phòng
Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng
Điện thoại: (84-225) 384 1810
Fax: (84-225) 384 1801